

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý III kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.983.821.770.155	1.932.097.472.420
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	21.306.990.623	20.839.104.211
111	1. Tiền		21.306.990.623	20.839.104.211
112	2. Các khoản tương đương tiền			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.039.753.535.057	1.011.776.876.823
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.013.625.079.545	981.270.760.176
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	10.276.325.107	18.251.158.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	56.737.640.348	48.007.819.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(40.885.509.943)	(35.752.861.392)
140	IV. Hàng tồn kho	8	908.695.966.568	885.384.170.267
141	1. Hàng tồn kho		917.786.680.606	890.906.558.017
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.090.714.038)	(5.522.387.750)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.065.277.907	14.097.321.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	915.964.775	1.090.909.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.149.313.132	13.006.412.018
153	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15		-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		189.822.036.208	206.816.411.350
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.000.000	650.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	650.000.000	650.000.000
220	II. Tài sản cố định		154.102.702.660	164.381.212.491
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	77.588.722.757	85.707.370.414
222	Nguyên giá		184.897.216.240	187.956.014.815
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(107.308.493.483)	(102.248.644.401)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	76.513.979.903	78.673.842.077
228	Nguyên giá		97.704.403.845	97.704.403.845
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.190.423.942)	(19.030.561.768)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		381.000.000	315.000.000
	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	381.000.000	315.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	32.992.893.387	39.712.893.387
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	16.587.396.125
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.520.408.664	3.520.408.664
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(9.867.396.125)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.695.440.161	1.757.305.472
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.695.440.161	1.757.305.472
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.173.643.806.363	2.138.913.883.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.948.884.637.751	1.917.466.114.237
310	I. Nợ ngắn hạn		1.919.712.294.849	1.888.267.538.425
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	941.434.281.962	996.223.876.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	16.076.146.111	14.815.414.612
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.431.812.654	1.924.084.965
314	3. Phải trả người lao động		2.376.212.914	9.109.888.013
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	589.778.852	3.596.580.335
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5.668.085.809	8.980.244.178
320	7. Vay ngắn hạn	19	951.086.332.618	851.919.198.962
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	1.648.607.002
330	II. Nợ dài hạn		29.172.342.902	29.198.575.812
331	1. Phải trả người bán dài hạn		11.000.000	
337	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		161.342.902	198.575.812
338	3. Vay dài hạn	19	29.000.000.000	29.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		224.759.168.612	221.447.769.533
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	224.759.168.612	221.447.769.533
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.574.252.818	30.262.853.739
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12.643.451.513	10.633.209.209
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		20.930.801.305	19.629.644.530
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.173.643.806.363	2.138.913.883.770

Tp. HCM. Ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người Lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Phạm Chí Trực

Phạm Thị Mai Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025		Năm 2024	
			Quý III	Lũy kế	Quý III	Lũy kế
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	773.318.283.979	2.257.279.751.388	670.639.521.796	2.242.005.472.779
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	5.996.770.217	13.413.391.597	3.386.221.238	6.341.304.219
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	767.321.513.762	2.243.866.359.791	667.253.300.558	2.235.664.168.560
11	4. Giá vốn hàng bán	22	714.916.406.531	2.092.536.428.350	617.975.828.162	2.074.353.116.673
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.405.107.231	151.329.931.441	49.277.472.396	161.311.051.887
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	9.965.741.351	24.061.965.558	5.750.592.548	18.232.781.243
22	7. Chi phí tài chính	23	13.107.106.062	40.320.131.744	11.343.097.855	37.377.204.065
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.423.458.890	33.184.367.292	9.634.249.372	28.675.408.222
25	8. Chi phí bán hàng	24	30.810.329.886	86.816.537.233	26.709.528.412	82.494.910.533
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	10.874.340.540	26.343.535.685	7.898.364.242	33.813.683.272
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.579.072.094	21.911.692.337	9.077.074.435	25.858.035.260
31	11. Thu nhập khác		4.078.456.851	4.546.473.468	120.537.618	556.279.695
32	12. Chi phí khác		135.394.881	427.412.725	126.105.956	472.579.471
40	13. Lợi nhuận khác	26	3.943.061.970	4.119.060.743	(5.568.338)	83.700.224
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.522.134.064	26.030.753.080	9.071.506.097	25.941.735.484
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	2.331.505.789	5.099.951.775	1.988.812.563	5.429.198.220
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.190.628.275	20.930.801.305	7.082.693.534	20.512.537.264

Người Lập Biểu

Chú Thị Bích Hồng

Kế Toán Trưởng

Phạm Chí Trục

Tp.Hcm, Ngày 20 Tháng 10 Năm 2025

Tổng Giám Đốc

Phạm Thị Mai Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024
	I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.030.753.080	25.941.735.484
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10, 11	10.480.687.156	10.642.991.524
03	Các khoản dự phòng		8.700.974.839	8.948.002.070
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.893.627.717)	1.349.531.521
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(732.775.145)	(403.602.620)
06	Chi phí lãi vay		33.184.367.292	28.675.408.222
07	Chi phí khác		117.465.809	
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		74.887.845.314	75.154.066.201
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		27.146.991.126	157.619.257.747
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.880.122.589)	(103.976.832.029)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(127.476.895.776)	(216.021.559.883)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		236.809.637	406.735.432
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.147.247.358)	(29.745.468.029)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.317.306.074)	(4.891.110.053)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(2.880.089.229)	(2.528.249.999)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(89.430.014.949)	(123.983.160.613)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
II				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(317.855.455)	(3.562.894.929)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		758.826.598	773.586.578
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-
24	Tiền thu hồi do bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.602.534.191	
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.626.677	24.804.036
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.067.132.011	(2.764.504.315)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	2.124.158.443.903	1.853.670.260.812
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(2.024.991.310.247)	(1.756.524.133.632)
36	Cổ tức trả cổ đông	20.3	(16.372.188.000)	(9.104.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		82.794.945.656	88.041.727.180
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		432.062.718	(38.705.937.748)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.839.104.211	50.273.990.216
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		35.823.694	(206.960.002)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	4	21.306.990.623	11.361.092.466

Tp. HCM. Ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người Lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc






Chu Thị Bích Hồng

Phạm Chí Trực

Phạm Thị Mai Hương

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010. và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 372 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 392)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv...) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty [VND/USD] được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định [hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng] trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là [tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản/mua bán chuyển khoản trung bình] của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

3379
Y
N
NGƯỜI
HA
CHỈ M

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty. trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

3.18 Các bên liên quan

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Tiền mặt	253.663.175	350.014.410
Tiền gửi ngân hàng	21.053.327.448	20.489.089.801
TỔNG CỘNG	21.306.990.623	20.839.104.211

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Phải thu từ khách hàng	1.013.625.079.545	981.270.760.176
Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	124.549.326.318	177.271.677.134
Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng	87.482.963.660	102.299.153.275
Khách hàng khác	801.592.789.567	701.699.929.767
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)	(30.621.599.164)	(31.616.948.811)
Giá Trị Thuần	983.003.480.381	949.653.811.365

5.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN GRAVITAS	3.877.079.076	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VMED	868.576.800	3.257.163.000
EURO HEALTHCARE PTE LTD	1.725.863.436	
Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN. BHD	1.074.195.000	
Các khoản trả trước khác	2.730.610.793	14.993.995.959
Tổng cộng	10.276.325.105	18.251.158.959
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)	(255.881.685)	(278.011.205)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

6. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Ngắn hạn	56.737.640.349	48.007.819.080
Phải thu lãi phạt trả chậm	3.606.361.489	1.372.947.026
Phải thu các khoản tạm ứng	1.337.008.200	3.730.080.545
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	20.680.211.697	29.164.537.400
Ký quỹ. ký cược	2.387.886.655	2.021.096.333
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	15.948.200.618	5.301.389.853
Phải thu ngắn hạn khác	12.777.971.690	6.417.767.923
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)	(10.004.847.094)	(3.857.901.376)
Giá Trị Thuần	46.732.793.255	44.149.917.704
 Dài hạn	 650.000.000	 650.000.000
Ký cược. ký quỹ	650.000.000	650.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

7. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025			Ngày 01 tháng 01 năm 2025		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	49.307.158.916	(30.621.599.164)	18.685.559.752	41.990.003.062	(31.616.948.811)	10.373.054.251
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	19.954.092.956	(14.890.295.901)	5.063.797.055	20.080.940.506	(14.675.102.753)	5.405.837.753
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	3.093.314.279	(1.501.243.197)	1.592.071.082	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-
Trung tâm y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	18.217.170.053	(6.187.478.438)	12.029.691.615	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174
Phải thu ngắn hạn khác	10.004.847.094	(10.004.847.094)	-	3.914.610.839	(3.857.901.376)	56.709.463
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Tế Hoàng Gia	6.090.236.255	(6.090.236.255)	-	-	-	-
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VẬT LIỆU XÂY DỰNG HẢI ĐĂNG KOKO	816.000.000	(816.000.000)	-	816.000.000	(816.000.000)	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	-	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	259.063.685	(259.063.685)	-	278.011.205	(278.011.205)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	259.063.685	(259.063.685)	-	278.011.205	(278.011.205)	-
TỔNG CỘNG	59.571.069.695	(40.885.509.943)	18.685.559.752	46.182.625.106	(35.752.861.392)	10.429.763.714

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

7.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 30 tháng 09 năm 2024
Số đầu kỳ	35.752.861.392	24.961.572.180
Dự phòng trích lập trong kỳ	8.323.146.841	7.260.664.961
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.190.498.290)	(649.086.223)
Số cuối kỳ	40.885.509.943	31.573.150.918

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Hàng hóa	916.930.219.048	855.487.896.708
Hàng mua đang đi đường	856.461.558	35.418.661.309
TỔNG CỘNG	917.786.680.606	890.906.558.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.090.714.038)	(5.522.387.750)
Giá Trị Thuần	908.695.966.568	885.384.170.267

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 30 tháng 09 năm 2024
Số đầu kỳ	5.522.387.750	4.396.909.917
Dự phòng trích lập trong kỳ	12.387.969.820	7.302.513.785
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(4.786.686.811)	(6.266.090.453)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.032.956.721)	(334.375.436)
Số cuối kỳ	9.090.714.038	5.098.957.813

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	788.787.291	1.090.909.101
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	7.200.000	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	119.977.484	
Số cuối kỳ	915.964.775	1.090.909.101
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	784.067.439	1.607.639.423
Chi phí sửa chữa VP	700.271.897	149.666.049
Chi phí khác	211.100.825	
Số cuối kỳ	1.695.440.161	1.757.305.472
TỔNG CỘNG	2.611.404.936	2.848.214.573

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa. vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định dùng cho quản lý</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	95.966.408.877	49.443.881.644	39.063.148.706	3.424.768.125	57.807.463	187.956.014.815
Mua sắm mới		251.855.455				251.855.455
Thanh lý		(701.339.100)	(2.323.852.016)	(285.462.914)		(3.310.654.030)
Tăng giảm khác						
Ngày 30 tháng 09 năm 2025	95.966.408.877	48.994.397.999	36.739.296.690	3.139.305.211	57.807.463	184.897.216.240
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	7.439.584.078	12.649.737.432	15.636.066.521	2.194.869.704	57.807.463	37.978.065.198
Giá trị khấu hao lũy kế						
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	37.126.829.972	35.886.559.029	26.237.956.809	2.939.491.128	57.807.463	102.248.644.401
Khấu hao trong kỳ	3.268.483.207	3.274.241.046	1.665.003.192	113.097.537	-	8.320.824.982
Thanh lý		(651.660.970)	(2.323.852.016)	(285.462.914)		(3.260.975.900)
Tăng giảm khác						
Ngày 30 tháng 09 năm 2025	40.395.313.179	38.509.139.105	25.579.107.985	2.767.125.751	- 57.807.463	107.308.493.483
Giá trị còn lại						
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414
Ngày 30 tháng 09 năm 2025	55.571.095.698	10.485.258.894	11.160.188.705	372.179.460	-	77.588.722.757

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	2.621.966.000	95.082.437.845	97.704.403.845
Ngày 30 tháng 09 năm 2025	2.621.966.000	95.082.437.845	97.704.403.845
Trong đó:			
Đã khấu hao hết		558.677.536	558.677.536
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.431.632.866	17.598.928.902	19.030.561.768
Khấu hao trong kỳ	255.107.403	1.904.754.771	2.159.862.174
Ngày 30 tháng 09 năm 2025	1.686.740.269	19.503.683.673	21.190.423.942
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.190.333.134	77.483.508.943	78.673.842.077
Ngày 30 tháng 09 năm 2025	935.225.731	75.578.754.172	76.513.979.903

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯỚI DẠNG

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2025</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2025</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	231.000.000	165.000.000
Khác	150.000.000	150.000.000
	381.000.000	315.000.000

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2025</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2025</i>
Đầu tư vào công ty con (TM số 13.1)		16.587.396.125
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (TM số 13.2)	3.520.408.664	3.520.408.664
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	29.472.484.723	29.472.484.723
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(9.867.396.125)
TỔNG CỘNG	32.992.893.387	39.712.893.387

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

13.1 Đầu tư vào công ty con

Ngày 30 tháng 09 năm 2025				Ngày 01 tháng 01 năm 2025		
Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha -Lào		-	-	93.70%	16.587.396.125	(9.867.396.125)
TỔNG CỘNG		-	-		16.587.396.125	(9.867.396.125)

13.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Ngày 30 tháng 09 năm 2025				Ngày 01 tháng 01 năm 2025		
Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30.00%	3.520.408.664	30.00%	3.520.408.664	
TỔNG CỘNG		3.520.408.664	-		3.520.408.664	



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025				Ngày 01 tháng 01 năm 2025			
	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương	Bất động sản	3.68%	22.983.000.000		3.68%	22.983.000.000		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Đông Dương	Bất động sản	3.82%	6.017.000.000		3.82%	6.017.000.000		
Công ty Cổ Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	0.86%	472.484.723		0.86%	472.484.723		
TỔNG CỘNG			29.472.484.723	-		29.472.484.723		
	Tổng cộng		32.992.893.387	-		49.580.289.512	- (9.867.396.125)	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 09 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả cho người bán	940.368.647.065	940.368.647.065	994.921.054.894	994.921.054.894
- Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	278.426.058.888	278.426.058.888	228.034.625.325	228.034.625.325
- Phải trả đối tượng khác	661.942.588.177	661.942.588.177	766.886.429.569	766.886.429.569
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.065.634.897	1.065.634.897	1.302.821.535	1.302.821.535
TỔNG CỘNG	941.434.281.962	941.434.281.962	996.223.876.429	996.223.876.429

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

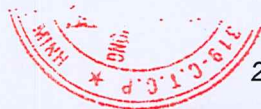
	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Người mua trả tiền trước		
DALIAN CHAOHONG SUPPLY CHAIN MANAGEMENT CO ... LTD.	6.519.271.525	
Công ty TNHH TM Dược phẩm Trường Tôn	565.892.130	3.378.237.903
- Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược	1.078.691.250	3.456.503.079
- Công ty TNHH TM Quốc tế Ngọc Mỹ	4.028.804.000	
- Người mua khác trả tiền trước	3.883.487.206	7.980.673.630
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 28)		
TỔNG CỘNG	16.076.146.111	14.815.414.612

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU - PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngày 01 tháng 01 năm 2025		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 09 năm 2025	
Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa		123.047.896.120	(122.444.207.051)	(603.689.069)		0
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.386.196	35.290.281.041		(35.295.667.237)	0	0
Thuế xuất nhập khẩu	3.137.587	3.624.385.733		(3.627.523.320)		0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.548.860.088	5.099.951.775	-	(4.317.306.074)	0	2.331.505.789
Thuế thu nhập cá nhân	366.701.094	1.065.474.649		(1.331.868.878)		100.306.865
Tiền thuê đất, thuế nhà đất		0		-		0
Các khoản khác phải nộp khác		212.158.733		(212.158.733)		0
Cộng	- 1.924.084.965	168.340.148.051	(122.444.207.051)	(45.388.213.311)	0	2.431.812.654



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Chi phí lãi vay	-	608.478.997
Chi phí phải trả khác	589.778.852	2.988.101.338
TỔNG CỘNG	589.778.852	3.596.580.335

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Phải trả cổ tức	80.272.476	123.735.165
Phải trả hàng ủy thác nhập khẩu	1.209.498.915	6.578.410.880
Các khoản ký cược, ký quỹ	265.141.128	479.001.586
Phải trả khác	4.113.173.290	1.799.096.547
TỔNG CỘNG	5.668.085.809	8.980.244.178

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 30 tháng 09 năm 2024
Số đầu kỳ	1.648.607.002	
Trích lập quỹ trong kỳ	1.231.482.227	2.528.249.999
Tăng, giảm khác		
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.880.089.229)	(2.528.249.999)
Số cuối kỳ	-	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

19. VAY

	Ngày 01 tháng 01 năm 2025		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 09 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.1)	851.322.198.962	851.322.198.962	2.123.252.509.437	2.024.085.375.781	950.489.332.618	950.489.332.618
Vay cá nhân	597.000.000	597.000.000			597.000.000	597.000.000
TỔNG CỘNG	851.919.198.962	851.919.198.962	2.123.252.509.437	2.024.085.375.781	951.086.332.618	951.086.332.618
Dài hạn						
Vay ngân hàng						
Vay đối tượng khác	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000

(*) Hình thức đảm bảo vay dài hạn: Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Đông Dương và Công ty Cổ phần KingDom Đông Dương

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng khác

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN HCM	473.722.748.402	Từ ngày 13 tháng 08 năm 2025 đến 29 tháng 12 năm 2025	5,2-5,4	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 280.000.000.000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 240.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng SHINHAN BANK	50.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 01 năm 2026 đến 07 tháng 02 năm 2026	4.9	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 50.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	192.989.895.737	Từ ngày 24 tháng 07 năm 2025 đến 01 tháng 12 năm 2025	5,15- 5,35	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chót giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tài sản bảo đảm bằng 467.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	183.102.207.131	Từ ngày 30 tháng 09 năm 2025 đến 19 tháng 12 năm 2025	5,2-6,4	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 293.000.000.000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 271.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công thương VN- HN CN CD	20.849.783.678	Ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	Hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9- Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông - Hà Nội với tổng trị giá 62.000.000.000 VNĐ và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công thương VN- HN CN TX	29.824.697.670	Từ ngày 29 tháng 12 năm 2025 đến 04 tháng 02 năm 2026	5.2	
Tổng cộng	950.489.332.618			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần hàng	đã phát Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025					
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	19.737.609.209	210.922.525.003
- Lợi nhuận trong kỳ				20.512.537.264	20.512.537.264
- Trả cổ tức				(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.528.249.998)	(2.528.249.998)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2024	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	28.617.496.475	219.802.412.269
Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025					
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2025	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	30.262.853.739	221.447.769.533
- Lợi nhuận trong kỳ				20.930.801.305	20.930.801.305
- Trả cổ tức (*)				(16.387.920.000)	(16.387.920.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)				-	-
- Giảm khác				(1.231.482.226)	(1.231.482.226)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2025	182.700.000.000	(586.200.000)	9.071.115.794	33.574.252.818	224.759.168.612



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	
	Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	121.225.000.000	66.35%	121.225.000.000	66.35%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	18.99%	34.700.000.000	18.99%
Các cổ đông khác	26.775.000.000	14.66%	26.775.000.000	14.66%
	182.700.000.000	100.00%	182.700.000.000	100.00%

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2023		9.104.400.000
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2024	16.387.920.000	

20.4 Cổ phiếu

	Số lượng (Cổ phiếu)	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.208.800	18.208.800

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Tổng doanh thu:	2.257.279.751.388	2.242.005.472.779
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	2.218.470.420.530	2.219.176.551.135
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.809.330.858	22.828.921.644
Các khoản giảm trừ doanh thu	13.413.391.597	6.341.304.219
Giảm giá hàng bán	1.520.274.125	673.053.395
Chiết khấu thương mại	10.175.290	1.039.546.397
Hàng bán trả lại	11.882.942.182	4.628.704.427
Doanh thu thuần	2.243.866.359.791	2.235.664.168.560

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.626.677	24.804.036
Chiết khấu thanh toán được hưởng	7.940.468.241	8.004.660.320
Lãi bán hàng trả chậm	4.289.284.874	2.746.190.086
Doanh thu tài chính khác	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.808.585.766	7.457.126.801
TỔNG CỘNG	24.061.965.558	18.232.781.243

22. GIÁ VỐN

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.080.804.842.915	2.071.004.764.388
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.376.572.336	2.311.928.953
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.355.013.099	1.036.423.332
TỔNG CỘNG	2.092.536.428.350	2.074.353.116.673

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Chi phí lãi vay	33.184.367.292	28.675.408.222
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính		1.300.000.000
Chi phí tài chính khác	117.465.809	
Lỗi chênh lệch tỷ giá	7.018.298.643	7.401.795.843
TỔNG CỘNG	40.320.131.744	37.377.204.065

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	46.473.526.526	47.057.498.532
Chi phí nguyên vật liệu	1.755.654.125	1.671.524.638
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9.050.730.031	9.351.657.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.120.161.460	13.306.795.140
Chi phí bán hàng khác	15.416.465.091	11.107.434.688
TỔNG CỘNG	86.816.537.233	82.494.910.533

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên	2.506.772.725	2.261.515.000
Chi phí dụng cụ quản lý	862.564.850	283.020.774
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.342.952.838	1.291.333.989
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.132.648.551	6.611.578.738
Thuế, phí và lệ phí	268.395.378	31.262.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.652.137.805	13.168.619.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.578.063.538	10.166.351.964
TỔNG CỘNG	26.343.535.685	33.813.683.272

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Chi phí mua hàng hóa để bán	2.080.804.842.915	2.071.004.764.388
Chi phí nguyên liệu. vật liệu	2.618.218.975 -	1.954.545.412
Chi phí nhân công	48.980.299.251	49.319.013.532
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10.393.682.869	10.642.991.524
Chi phí trích lập dự phòng	5.132.648.551 -	6.611.578.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.772.299.265 -	26.475.415.107
Chi phí bằng tiền khác	23.262.924.007 -	21.305.049.492
TỔNG CỘNG	<u>2.193.964.915.833</u>	<u>2.187.313.358.193</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Thu nhập khác	4.546.473.468	556.279.695
Lãi thanh lý tài sản	709.148.468	378.798.584
Khác	3.837.325.000	177.481.111
Chi phí khác	427.412.725	472.579.471
Phạt vi phạm hành chính	200.448.172	70.278.774
Chi phí khác	226.964.553	402.300.697
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	4.119.060.743	83.700.224

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.099.951.775	5.284.669.367
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước		144.528.853
TỔNG CỘNG	<u>5.099.951.775</u>	<u>5.429.198.220</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

27.2 Thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.030.753.080	25.941.735.484
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	582.412.525	481.611.351
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	124.400.000	198.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng khác	458.012.525	283.611.351
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	1.113.406.730	
Hoàn nhập dự phòng công nợ	1.113.406.730	
Lợi nhuận trước thuế ước tính trong kỳ	25.499.758.875	26.423.346.835
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế 20%	25.499.758.875	26.423.346.835
Lỗ tính thuế		-
Thuế TNDN hiện hành	5.099.951.775	5.284.669.367
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	144.528.853
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.099.951.775	5.429.198.220

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu

Số dư phải thu phải trả

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 01 tháng 01 năm 2025
Phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 6.1)			
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)			
Tổng Công ty Dược Việt nam - Công ty Cổ phần	Cho thuê kho	-	-
TỔNG CỘNG		-	-
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15.1)			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	6.471.014
TỔNG CỘNG		1.065.634.897	1.302.821.535

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

		Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	720.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc đến ngày 18/04/2025	630.000.000	630.000.000
Bà Đinh Thị Khởi	Phó TGDĐ đến 28/02/2025	110.000.000	495.000.000
Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc từ 18/4 đến 30/06/25	409.090.909	
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó TGDĐ từ ngày 02/06/2025	232.500.000	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên độc lập HĐQT	45.000.000	45.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên độc lập HĐQT	45.000.000	45.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên độc lập HĐQT	45.000.000	45.000.000
Tổng cộng		2.236.590.909	1.980.000.000

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong kỳ

		Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc 30/09/2024
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		-	
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	45.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Văn Khái			8.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	18.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG		81.000.000	81.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	2.823.614.133	7.420.800.000
Trên 1 - 5 năm	12.277.300.000	14.331.000.000
Trên 5 năm	-	-
TỔNG CỘNG	15.100.914.133	21.751.800.000

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG

	Ngày 30 tháng 09 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	2.434	1.192
- EURO (EUR)	942	1.041
2. Hàng hóa giữ hộ bên thứ ba (đơn vị tính)		
Hộp	221.597	1.095.880
Ống	4.500	9
Cái	16.400	-
Tuýp	5.399	27.877
Chai	4.810	20.100
Khác	19.245	29.438

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Chu Thị Bích Hồng

Phạm Chí Trực

Phạm Thị Mai Hương

